



lái tou

来头

noun · background; connections

Example Sentence

nà jiā gōng sī lái tóu hěn dà bèi hòu yǒu zhèng fǔ zhī chí
那家公司来头很大， 背后有政府支持。

That company has strong connections,
backed by government support.

Trace each character, then write the word on your own.

来 来 来 来 来 来 来 来 来 来

头 头 头 头 头 头 头